

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TT  
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-3-2021

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Lương Viết Tú**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Đình Nhiễm**

Ông **Đỗ Minh Thân**

**- Thư ký phiên toà:** Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên toà:** Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu 2, xã Đ, huyện TT, tỉnh P. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Kiều Văn T**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu 2, xã Đ, huyện TT, tỉnh P. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện, được bổ sung bằng bản tự khai, nguyên đơn là bà *Trần Thị X* trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1990, đăng ký tại UBND xã Đ, huyện TT, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh, cãi nhau. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm từ lâu, từ khi sinh con thứ 2 vào năm 1992 cho đến nay. Hiện tại bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị ly hôn ông T để giải phóng bản thân.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là **Kiều Mạnh C**, sinh năm 1990 và **Kiều Q**, sinh năm 1992. Hiện nay các con đều đã thành niên và có gia đình riêng nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Bà X không đề nghị Tòa án giải quyết.

**\* *Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là ông Kiều Văn T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định thủ tục kết hôn như bà X trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại khu 2 xã Đ. Quá trình vợ chồng chung sống thì có xảy ra mâu thuẫn do hai bên không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Ông T cho rằng hiện nay vợ chồng ly hôn thì cũng không để làm gì, nhưng bà X kiên quyết muốn ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà X trình bày là đúng. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

**\* *Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa (Có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):***

**\* *Về thủ tục tố tụng:*** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của pháp luật.

**\* *Về nội dung vụ án:*** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà X: Xử cho bà X được ly hôn ông T; Về con chung: Ông T và bà X có 02 con chung là Kiều Mạnh C, sinh năm 1990 và Kiều Q, sinh năm 1992. Hiện nay đều đã thành niên và có gia đình riêng. Ông T và bà X không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, tuy nhiên Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

***Về án phí: Bà X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.***

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Quá trình giải quyết vụ án thì bà X có đơn đề nghị từ chối tham gia hoà giải. Do vậy căn cứ vào Khoản 4, Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Bà X và ông T do điều kiện bận công việc nên đều đề nghị được xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

### **2. Về nội dung:**

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà X kết hôn với ông T vào năm 1990, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện TT, tỉnh P, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau. Bà X xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 1992, hiện nay tình cảm không còn, bà đề nghị được ly hôn. Ông T xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, việc ly hôn hiện tại không giải quyết vấn đề gì, không cần thiết, tuy nhiên bà X kiên quyết muốn ly hôn thì ông đồng ý.

Như vậy, HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên không vun đắp cuộc sống gia đình, không hợp tác hòa giải, bà X đề nghị ly hôn ông T không có thái độ rõ ràng về quan hệ hôn nhân. Qua xác minh về quan hệ hôn nhân tại địa phương, UBND xã Đ cho biết, bà X và ông T đã sống ly thân được thời gian đã lâu, không còn thực tế chung sống. Vì vậy HĐXX cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà X, xử cho bà được ly hôn ông T là phù hợp, tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: Ông T và bà X có 02 con chung là Kiều Mạnh C, sinh năm 1990 và Kiều Q, sinh năm 1992. Hiện nay các con đều đã thành niên và có gia đình riêng nên ông, bà đều không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Bà X và ông T không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra giải quyết. Tuy nhiên Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

\* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

\* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Trần Thị X được ly hôn ông Kiều Văn T.

2. Về con chung: Bà Trần Thị X và ông Kiều Văn T có 02 con chung là Kiều Mạnh C, sinh năm 1990 và Kiều Q, sinh năm 1992, hiện tại đã thành niên nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này do các bên không đề nghị giải quyết. Tuy nhiên Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

đồng) theo biên lai số AA/2018/0000632 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Viết Tú**